

Bản án số 243/2024/HC-PT

Ngày 03-4-2024

V/v “Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất và hủy chỉnh lý
biên động đăng ký đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1134/2023/TLPT-
HC ngày 26 tháng 12 năm 2023 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và hủy chỉnh lý biên động đăng ký đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm
2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 686/2024/QĐ-PT ngày
14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1938; Cư trú tại: Xóm C,
thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T,
sinh năm 1980 và ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1969; Cùng cư trú: Thôn Đ, xã
H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc H1, chức vụ: Phó Chủ tịch
UBND huyện H, (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện H: Ông Trần

Văn M, Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

2. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B: Bà Tăng Thị Ánh P, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1, (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng Đ1

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tăng Thị Ánh P, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ1.(xin vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952. Cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh 1988. Cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T1: Ông Lê Văn B là Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Phạm Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Năm 1986, ông Nguyễn Văn Đ có khai hoang một thửa đất có diện tích khoảng hơn 800m² thuộc khu vực vành đai do chế độ cũ để lại gần sân Đội 8 cũ (nay là thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Ông Đ quản lý, canh tác đất này và trồng lúa trên đất từ năm 1986. Năm 2010 ông Đ trồng thanh long trên đất thì ông Nguyễn X là em họ ông Đ ra chặn lại nói là đất của ông và tranh chấp diện tích trên với ông Đ.

Tháng 4/2010, ông Đ nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã H giải quyết tranh chấp giữa ông Đ và ông Nguyễn X. Ngày 21/5/2010, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành hòa giải, tại buổi hòa giải bà Phạm Thị Bích T2 nguyên là Phó Chủ tịch UBND xã H cho rằng diện tích đất tranh chấp là đất công do xã quản lý, ông Đ và ông X không có quyền tranh chấp, nếu bên nào muốn thuê để canh tác thì làm hợp đồng thuê đất, xã sẽ tổ chức đấu thầu. Từ tháng 11/2010 ông Đ phải ngừng trồng thanh long trên đất và dùng đất này để chăn nuôi, trồng trọt một số hoa màu ngắn ngày.

Khoảng tháng 5/2018, gia đình ông Đ biết ông Nguyễn X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913 thửa đất số 124, tờ bản đồ số 48, diện tích 876,4m² do UBND huyện H cấp ngày 27/9/2017 đối với diện tích đất trên.

Sau đó ông Đ có khiếu nại yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông X, tuy nhiên Chi nhánh Văn phòng Đ1 đã đăng ký biến động sang

tên bà Phạm Thị T1 ngày 23/7/2018.

Ông X, bà T1 không trực tiếp canh tác, sử dụng đất, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cũng không ký giáp ranh của các hộ đất liền kề, không thông báo cho người đang trực tiếp sử dụng đất là ông Nguyễn Văn Đ biết.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/9/2017 đứng tên ông Nguyễn X và tuyên hủy đăng ký biến động sang tên bà Phạm Thị T1, vì đã cấp sai đối tượng sử dụng đất, sai mục đích sử dụng đất.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

Thửa đất tranh chấp số 124, diện tích 876,4m², tờ bản đồ số 48 tọa lạc tại thôn Đ, xã H thuộc Giấy chứng nhận QSD đất số CK 963913 do UBND huyện H cấp ngày 27/9/2017, đứng tên hộ ông Nguyễn X có một phần diện tích 521m² do hộ ông Nguyễn X khai hoang, sử dụng ổn định từ năm 1975, không có tranh chấp đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Năm 2018, hộ ông Nguyễn X đã lập thủ tục thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 124 nói trên cho bà Phạm Thị T1 (vợ của ông Nguyễn X) do ông Nguyễn X đã chết và được cấp có thẩm quyền cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị T1 vào ngày 23/7/2018. Tuy nhiên, năm 2018 ông Nguyễn Văn Đ có đơn gửi UBND xã H đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất số CK 963913 nói trên do nguồn gốc đất được cấp Giấy chứng nhận QSD đất là đất 5% do UBND xã H quản lý.

Qua xác minh, rà soát quỹ đất 5% để có cơ sở giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Đ phát hiện thời điểm triển khai đo đạc bản đồ địa chính theo Đề án tổng thể 920 thì diện tích 521m² hộ ông Nguyễn X sử dụng được đo gộp với diện tích đất 5% (diện tích 300m², đo đạc hiện trạng là 355,4m²) thành thửa đất số 124, diện tích 876,4m². Do không kiểm tra ranh giới thửa đất nên UBND xã H đã đề nghị UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 963913 nói trên cho hộ ông Nguyễn X, trong đó có cấp nhầm diện tích 300m² thuộc đất 5% do UBND xã H quản lý. Do đó, UBND xã H đã mời và làm việc với bà Phạm Thị T1 để hướng dẫn hộ bà T1 lập thủ tục đăng ký biến động điều chỉnh giảm diện tích đất 5% và chuyển sang hình thức thuê đất đối với diện tích này. Qua làm việc, bà Phạm Thị T1 đã đồng ý và lập thủ tục đăng ký biến động điều chỉnh diện tích thửa đất số 124, diện tích 876,4m² giảm còn 521m² (đã giảm 355,4m² diện tích đất 5%) và được cấp có thẩm quyền cập nhật biến động vào ngày 04/01/2019. Ngày 01/8/2019, bà Phạm Thị T1 đã ký Hợp đồng thuê đất với UBND xã H đối với diện tích 355,4m² nói trên và sử dụng đất ổn định đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đ1 trình bày:

Việc Chi nhánh Văn phòng Đ1 cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị T1 căn cứ vào hồ sơ gốc cấp cho ông Nguyễn X là không đúng vì có một phần diện tích là đất 5%.

Tuy nhiên, năm 2019 Chi nhánh Văn phòng Đ1 cũng đã điều chỉnh phần diện tích giảm do bà T1 chuyển sang thuê đất 5% của UBND xã H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc đất là của gia đình bà, việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà là đúng tình tự, thủ tục. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913, ngày 27/9/2017 của UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên hộ ông Nguyễn X; hủy cập nhật biến động sang tên cho bà Phạm Thị T1 vào ngày 23/7/2018 và điều chỉnh giảm diện tích vào ngày 04/01/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/9/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ; sửa bản án sơ thẩm: không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913, ngày 27/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên hộ ông Nguyễn X; không hủy cập nhật biến động sang tên cho bà Phạm Thị T1 vào ngày 23/7/2019 và điều chỉnh giảm diện tích vào ngày 04/01/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1, người đại diện theo ủy quyền của bà T1 ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn X là đúng vì đất có nguồn gốc của mẹ của ông X hưởng thừa kế, có giấy tờ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T1 tranh luận: theo nguồn gốc đất theo Tờ thuận phân thì bà L1 mẹ của ông X được hưởng thừa kế nên việc cấp cho ông X là đúng đối tượng, căn cứ theo Tờ trình của cơ quan quản lý đất đai ngày 15/5/2023 đã rõ; về quỹ đất 5% của xã quản lý bà Phạm Thị T1 cũng đã tự nguyện giảm 355,4m² và thuê lại của xã sử dụng ổn định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Từ năm 1986 đến năm 2010 toàn bộ phần đất tranh chấp ông Đ quản lý sử dụng, do ông X tranh chấp và Ủy ban xã H hòa giải năm 2010 cho rằng đất thuộc 5% do xã quản lý mới ngưng sử dụng, việc Ủy ban huyện cấp giấy cho ông X là không đúng, thống nhất theo án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: việc Ủy ban huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X là không đúng tình tự thủ tục do hộ ông X không có thời gian sử dụng đất, theo đơn xin cấp của ông X ghi từ năm 1975-2017 sử dụng ổn định là không đúng, hộ ông X không

trực tiếp sản xuất, sử dụng đất nên nội dung xác nhận sử dụng ổn định của Ủy ban nhân dân xã không đúng khi xác minh lại. Từ các lý do trên Ủy ban nhân dân huyện H thống nhất việc hủy giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông X.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã H năm 2010 tranh chấp đất giữa ông Đ với ông X thống nhất xác định đất 5% do Ủy ban xã quản lý, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H xác định trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông X là không đúng do đất có tranh chấp, có 1 phần do xã quản lý, việc cấp không đúng đối tượng đang sử dụng đất. Tuy nhiên, căn cứ kháng cáo của bà Phạm Thị T1 và chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất thì thuộc gia đình ông X, việc án sơ thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận chưa đảm bảo cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T1, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T1 được thực hiện trong thời hạn luật định được thụ lý và đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913, ngày 27/9/2017 của UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên hộ ông Nguyễn X; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cập nhật biến động sang tên cho bà Phạm Thị T1 vào ngày 23/7/2018 và điều chỉnh giảm diện tích vào ngày 04/01/2019, đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Năm 2017, ông Nguyễn Văn Đ biết được hộ ông Nguyễn X được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến ngày 11/12/2020 trong quá trình hòa giải tranh chấp đất đai ông Đ biết thêm việc bà T1 được cấp nhật biến động sang tên ngày 23/7/2018 và điều chỉnh giảm diện tích ngày 04/01/2019 và đến ngày 27/01/2021, ông Đ cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy các quyết định nêu trên. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý, xét xử vụ án là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và xác định việc khởi kiện hủy giấy chứng nhận đã hết thời hiệu nhưng được xem xét cùng yêu cầu hủy cập nhật biến

động do còn trong thời hạn khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 là có cơ sở.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện H và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các căn cứ quy định tại Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 105, Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

[3.2] Về nội dung: ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913 do UBND huyện H cấp ngày 27/9/2017 cho hộ ông Nguyễn X; hủy cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị T1 ngày 23/7/2018 và chỉnh lý giảm diện tích ngày 04/01/2019, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.2.1] Diện tích đất ông Nguyễn Văn Đ tranh chấp với ông Nguyễn X vào năm 2010 là toàn bộ diện tích 876,4m² thuộc thửa số 124, tờ bản đồ số 8, UBND xã H, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H tổ chức hòa giải ngày 21/5/2010, kết quả hòa giải xác định: “...*diện tích đất tranh chấp là đất công do xã quản lý, ông Đ và ông X không có quyền tranh chấp, nếu bên nào muốn thuê để canh tác thì làm hợp đồng thuê đất, xã sẽ tổ chức đấu thầu.*” (BL 56).

[3.2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đại diện người khởi kiện và đại diện bà Phạm Thị T1 đều xác định gia đình ông Nguyễn Văn Đ là người sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1986 đến tháng 10/2010; từ đó đến nay đất để trống không ai sử dụng do UBND xã xác định là đất 5% do xã quản lý.

[3.2.3] Căn cứ kết quả xác minh, rà soát của Ủy ban nhân dân huyện H quỹ đất 5% để có cơ sở giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Đ phát hiện thời điểm triển khai đo đạc bản đồ địa chính theo Đề án tổng thể 920 thì diện tích 521m² hộ ông Nguyễn X sử dụng được đo gộp với diện tích đất 5% (*diện tích 300m², đo đạc hiện trạng là 355,4m²*) thành thửa đất số 124, diện tích 876,4m², do không kiểm tra ranh giới thửa đất nên UBND xã H đã đề nghị UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận QSD đất số CK 963913 nói trên cho hộ ông Nguyễn X, trong đó có cấp nhầm diện tích 300m² thuộc đất 5% do UBND xã H quản lý.

[3.2.3] Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913, ngày 27/9/2017, của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Nguyễn X là trong thời gian xảy ra tranh chấp đất đai giữ ông Nguyễn Văn Đ với ông Nguyễn X và cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đảm bảo điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Đại diện của Ủy ban nhân dân huyện H và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ1 cũng thống nhất việc hủy giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Nguyễn X do cấp không đúng đối tượng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là có cơ sở.

[3.2.4] Do việc Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn X không đúng, nên sau đó cập nhật sang tên cho bà Phạm Thị T1 (do nhận thừa kế) cũng không đúng quy định của pháp luật nên khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913 do UBND huyện H cấp ngày 27/9/2017 đứng tên hộ ông Nguyễn X; hủy cập nhật biến động sang tên bà Phạm Thị T1 và chỉnh lý giảm diện tích ngày 04/01/2019 là có căn cứ, được chấp nhận. Bà Phạm Thị T1 kháng cáo cho rằng ông X được cấp giấy chứng nhận là đúng pháp luật, đất có nguồn gốc hưởng thừa kế yêu cầu bác khởi kiện của ông Đ không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận việc kháng cáo.

[3.3] Đối với các chứng cứ do bà Phạm Thị T1 cung cấp là Tờ thuận phân ruộng đất được chính quyền cũ nhận thực ngày 06/6/1974 để chứng minh nguồn gốc đất do chồng bà được thừa kế, và có nhiều người làm chứng biết rõ, cũng như việc ông Nguyễn Văn Đ cho rằng toàn bộ phần đất 876,4m² do ông khai hoang, không có phần diện tích 300m² (thực tế 355,4m²) là phần đất công thuộc quỹ đất 5% của xã H quản lý sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự tranh chấp đất đai khi các đương sự có yêu cầu.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật, bà Phạm Thị T1 kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào mới để làm thay đổi nội dung vụ án, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bảo vệ cho bà Phạm Thị T1 và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, sửa án sơ thẩm không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị T1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241; Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 105, Điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Phạm Thị T1. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 83/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, cụ thể tuyên:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 100 Luật đất đai; khoản

2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 963913, ngày 27/9/2017 của UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên hộ ông Nguyễn X; hủy cập nhật biến động sang tên cho bà Phạm Thị T1 vào ngày 23/7/2018 và điều chỉnh giảm diện tích vào ngày 04/01/2019.

- UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, mỗi đơn vị phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

2. Án phí hành chính phúc thẩm bà Phạm Thị T1 không phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (20b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh